

Bản án số: 37/2024/HS-ST
Ngày 29-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Ly;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàng Minh Tân;
- Bà Nguyễn Thị Minh Thư;

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Nha, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Lĩnh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và ngày 29 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn H sinh ngày 01 tháng 5 năm 1990 tại Quảng Ngãi. Nơi thường trú: Thôn B, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi ở hiện tại: Hẻm I đường Q, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn P và bà Huỳnh Thị S; vợ là Đinh Thị X (đã ly hôn), con: 02 người con sinh năm 2016 và 2020; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 15/5/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong án phạt tù ngày 28/10/2015, thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 22/7/2015, đã xóa án tích. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/8/2023

cho đến nay, có mặt tại phiên tòa;

2. Nguyễn Thị T sinh ngày 12 tháng 8 năm 1988 tại Tiền Giang. Nơi thường trú: Ấp B, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B (chết) và bà Nguyễn Thị H1; chồng là Võ Văn Đ (đã ly hôn), con: 02 người con sinh năm 2005 và 2012; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/8/2023 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa;

- Bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị Hạ Q sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ D, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt;

2. Ông Trần Duy K sinh năm 1974, nơi cư trú: Tổ A, thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt;

3. Bà Nguyễn Thị L sinh năm 1984, nơi cư trú: Số C đường T, tổ A, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Ông Trương Văn D sinh năm 1967, nơi cư trú: Tổ D, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt;

5. Anh Trần Kha B1 sinh ngày 28/9/2005, nơi cư trú: Tổ E, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt;

6. Anh Trần Quốc H2 sinh năm 2008, nơi cư trú: Số C đường N, tổ D, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của anh H2 là ông Trần Ngọc B2 sinh năm 1983 và bà Trương Thị Vi s năm 1983, cùng địa chỉ: Số C đường N, tổ D, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

7. Ông Phan Văn T1 sinh năm 1977, nơi cư trú: Tổ A, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

8. Ông Trần Văn T2 sinh năm 1966, nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

9. Bà Đặng Thị Ngọc L1 sinh năm 1982, nơi cư trú: Tổ D, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

10. Ông Đào Dương Sơn H3 sinh năm 1980, nơi cư trú: Tổ C, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

11. Ông Trần Minh A sinh năm 1979, nơi cư trú: Tổ B, phường N, thành phố

Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Phạm Thị Quỳnh Đ1 sinh năm 1969, nơi cư trú: Tổ B, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt;

2. Ông Phan Văn H4 sinh năm 1988, nơi cư trú: Tổ H, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Văn B3 sinh năm 1985; nơi thường trú: Xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nơi ở hiện nay: Số G đường Q, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

4. Ông Phạm D1 sinh năm 1965, nơi cư trú: Thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

5. Bà Phan Thị T3 sinh năm 1980, nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị T4 sinh năm 1982, nơi cư trú: Thôn P, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

7. Ông Lý Văn T5 sinh năm 1978, nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

8. Ông Huỳnh Hữu Tân s1 năm 1970, nơi cư trú: Khối phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt

9. Ông Huỳnh Ngọc V sinh năm 1989, nơi cư trú: Số D đường N, thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

10. Cháu Võ Văn G sinh ngày 05/7/2012, nơi cư trú: Ấp B, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu G là ông Võ Văn Đ sinh năm 1984, nơi cư trú: Ấp B, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang (cha đẻ), vắng mặt.

11. Ông Hoàng Kim L2 sinh năm 1984, nơi cư trú: Thôn A, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

12. Bà Phạm Thị Phương L3 sinh năm 1955, nơi cư trú: Tổ B, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 12/2022, Nguyễn Thị T làm quen với Nguyễn Văn H tại thành phố Hồ Chí Minh. Đến khoảng đầu tháng 7/2023, T và H dẫn theo con trai riêng của T là Võ Văn G (sinh ngày 05/7/2012) về ở cùng tại hẻm I Q, thuộc phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Thời gian sống trọ tại đây, Hội và T không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định. Để có tiền tiêu xài cá nhân, T và Hội rủ nhau đi tìm tài sản để trộm cắp, với thủ đoạn: Hội điều khiển xe mô tô hiệu Wave, màu xanh đen, biển kiểm soát 61F1 – 191.90 chở theo T và G đến những nơi người dân sơ hở để xe đạp thể thao ngoài đường thì dừng xe máy lại, G đi bộ đến lấy trộm xe đạp, còn T và Hội đi chỗ khác để quan sát, cảnh giới. Khi G trộm được xe đạp, H điều khiển xe chở T đi trước, G đạp xe theo sau về phòng trọ tại hẻm I Q, thành phố Q hoặc đến gửi tại nhà xe của Bệnh viện sản nhi tỉnh Q hoặc Bệnh viện P2, thành phố Q. Với thủ đoạn trên, trong thời gian từ ngày 28/7/2023 đến ngày 10/8/2023, T, H và G đã thực hiện 11 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Cụ thể:

Vụ thứ 1: Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 28/7/2023, Hội điều khiển xe 61F1 – 191.90 chở G ngồi giữa, T ngồi sau đi tìm tài sản để trộm cắp. Khi đến công viên B thuộc phường L, thành phố Q, Hội để T đứng đợi tại công viên rồi điều khiển xe chở G đi tìm xe đạp để trộm. Khi đi đến trước Trung tâm A1, địa chỉ: số nhà D H, thành phố Q thì phát hiện 01 (một) chiếc xe đạp màu đỏ đen, trên yên xe có dòng chữ “DDK” màu trắng của chị Nguyễn Thị Hạ Q dựng tại đây. Hội điều khiển xe đi một đoạn rồi dừng xe để G xuống đi bộ đến lấy xe đạp trên. Sau khi lấy được xe đạp, G điều khiển xe bỏ đi, H điều khiển xe đi trước dẫn G đến gửi tại nhà xe của Bệnh viện sản nhi tỉnh Q. Sau đó, H điều khiển xe chở G quay lại công viên B chở T quay lại Bệnh viện lấy xe đạp. Sau đó, H chở T, còn G điều khiển xe đạp đến nhà bà Phạm Thị Quỳnh Đ1 ở đường N, thành phố Q bán cho bà Đ1 được số tiền 450.000 đồng (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Cơ quan điều tra tạm giữ từ bà Phạm Thị Quỳnh Đ1 01 (một) chiếc xe đạp màu đỏ đen, trên yên xe có dòng chữ “DDK” màu trắng.

Vụ thứ 2: Tối ngày 30/7/2023, Hội điều khiển xe 61F1 – 191.90 chở T và G đi dạo trong khu Ngọc Bảo V1, thuộc phường N, thành phố Q tìm xe đạp để trộm cắp. Khi đi ngang qua số nhà E, đường số H, Khu dân cư N, phát hiện có 01 (một) xe đạp kiểu dáng thể thao màu trắng, trên thân xe có dòng chữ “Galaxy” màu đen của ông

Trần Duy K dựng tại đây. Hội điều khiển xe đi qua một đoạn rồi dừng xe để G xuống đi bộ đến lấy xe đạp trên rồi điều khiển xe đạp về phòng trọ tại hẻm I Q, thành phố Q. Đến sáng ngày 31/7/2023, H điều khiển xe máy, còn T điều khiển xe đạp trộm được đến cửa hàng mua bán xe đạp “Queen Bike”, địa chỉ: số nhà A đường Q, thành phố Q bán cho anh Phan Văn H4 được số tiền 1.700.000 đồng (Một triệu bảy trăm nghìn đồng). Cơ quan điều tra tạm giữ từ anh Phan Văn H4 01 (một) xe đạp kiểu dáng thể thao màu trắng, trên thân xe có dòng chữ “Galaxy” màu đen.

Vụ thứ 3: Tối ngày 31/7/2023, Hội điều khiển xe mô tô 61F1 – 191.90 chở T và G đi ngang qua đường T, thành phố Q thì thấy tại ngôi nhà đang dạy học, địa chỉ 02 T có nhiều xe đạp để trước nhà không ai trông coi. Hội điều khiển xe đi qua một đoạn rồi để G xuống xe đi bộ đến lấy 01 (một) chiếc xe đạp màu trắng cam, trên thân xe có chữ “FOREVER” màu đen của chị Nguyễn Thị L rồi đạp đi. Hội chở T, còn G điều khiển xe đạp vừa trộm được về phòng trọ tại hẻm I Q. Sau đó, H điều khiển xe 61F1 – 191.90 chở T, còn G đi xe đạp đến gửi tại nhà xe của bệnh viện P2. Đến sáng ngày 01/8/2023, H điều khiển xe 61F1 – 191.90 chở T quay lại bệnh viện P2 lấy xe đạp đã gửi. Sau đó, H điều khiển xe 61F1 – 191.90, còn T điều khiển xe đạp đến cửa hàng X1, địa chỉ đường N, phường T, thành phố Q bán cho anh Nguyễn Văn B3 với số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng). Cơ quan điều tra tạm giữ từ anh Nguyễn Văn B3: 01 (một) chiếc xe đạp màu trắng cam, trên thân xe có chữ “FOREVER” màu đen.

Vụ thứ 4: Trong tối ngày 31/7/2023, sau khi gửi xe tại Bệnh viện P2 thì Hội điều khiển xe 61F1 – 191.90 chở T và G tiếp tục quay lại ngôi nhà số B đường T. Hội và T để G xuống đi bộ đến lấy 01 (một) xe đạp màu đỏ trắng, trên thân xe có dòng chữ “BIKENB mt-460” của anh Trương Văn D rồi đạp đi. Sau đó, H điều khiển xe chở T dẫn đường để G điều khiển xe đạp trên về phòng trọ tại hẻm I Q. Đến ngày 11/8/2023, T điều khiển xe đạp trên vào huyện T, tỉnh Quảng Ngãi bán cho ông Phạm D1 với số tiền 450.000 đồng (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Cơ quan điều tra tạm giữ từ ông Phạm Du 0 (một) xe đạp màu đỏ trắng, trên thân xe có dòng chữ “BIKENB mt-460”.

Vụ thứ 5: Ngày 01/8/2023, Hội điều khiển xe mô tô 61F1 – 191.90 chở T và G đi trên đường H, thành phố Q thì thấy trước số nhà A có dựng 01 (một) xe đạp màu xanh, trên thân xe có chữ “PAPYLUS” màu đen của anh Trần Kha B1. Sau đó, H và

T để G đi bộ đến lấy xe đạp trên rồi đạp đi. Hội điều khiển xe chở T dẫn đường cho G điều khiển xe đạp đến gửi tại nhà xe của bệnh viện P2. Đến sáng ngày 02/8/2023, H điều khiển xe chở T quay lại bệnh viện P2 lấy xe đạp đem bán cho cửa hàng xe đạp “Queen Bike” ở huyện T, tỉnh Quảng Ngãi của chị Phan Thị T3 với số tiền 1.000.000đồng (Một triệu đồng). Cơ quan điều tra tạm giữ từ bà Phan Thị T3 01 (một) xe đạp màu xanh, trên thân xe có chữ “PAPYLUS” màu đen.

Vụ thứ 6: Tối ngày 03/8/2023, Hội điều khiển xe mô tô 61F1 – 191.90 chở T và G đến khu vực gần sân bóng đá T thuộc phường T, TP Q thì thấy có 01 (một) chiếc xe đạp màu đen đỏ, nhãn hiệu GMINDI Sport của anh Trần Quốc H2 để trước sân bóng đá Trần P1, không có ai trông coi. Hội điều khiển xe chở T đi đến trước một đoạn, để G xuống đi bộ đến lấy xe đạp trên rồi đạp đi. Sau đó, H chở T dẫn đường cho G điều khiển xe đạp trên đến tiệm sửa xe đạp của bà Phạm Thị Quỳnh Đ1 (để bán cho bà Đ1 nhưng bà Đ1 không mua. Lúc này có một người phụ nữ (không xác định nhân thân, lai lịch) đến tiệm của bà Đ1 để mua xe đạp và đã mua xe đạp trên từ Hội và bị can T. Cơ quan điều tra tạm giữ từ bà Phạm Thị Quỳnh Đ1 01 (một) chiếc xe đạp màu đen đỏ, nhãn hiệu GMINDI Sport.

Vụ thứ 7: Ngày 05/8/2023, Hội điều khiển xe mô tô 61F1 – 191.90 chở T và G đi ngang qua đường N, thành phố Q thì thấy có 01 (một) chiếc xe đạp màu trắng, trên thân xe có dòng chữ “TABOR” màu đen của anh Phan Văn T1 để trước số nhà I. Hội chở T đi đến trước một đoạn rồi để G đi bộ đến lấy chiếc xe đạp trên rồi đạp đi. Hội điều khiển xe chở T dẫn đường cho G điều khiển xe đạp đến gửi tại nhà xe bệnh viện P2. Đến chiều ngày 06/8/2023, H điều khiển xe chở T quay lại bệnh viện P2 lấy xe đạp đi ra thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi bán cho cửa hàng xe đạp Châu Huê của bà Nguyễn Thị T4 với số tiền 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng). Cơ quan điều tra tạm giữ từ bà Nguyễn Thị T4 01 (một) chiếc xe đạp màu trắng, trên thân xe có dòng chữ “TABOR” màu đen.

Vụ thứ 8: Trưa ngày 07/8/2023, Hội điều khiển xe mô tô 61F1 – 191.90 chở T và G đi ngang qua đường H, thành phố Q thì thấy có 01 (một) chiếc xe đạp màu đỏ đen, nhãn hiệu FOXTER của chị Đặng Thị Ngọc L1 để trước nhà nhà số 95. Hội điều khiển xe chở T đi đến trước một đoạn rồi để G xuống đi bộ đến lấy xe đạp trên. Sau đó, H điều khiển xe chở T dẫn đường cho G điều khiển xe đạp đến gửi tại nhà xe của bệnh viện P2. Đến sáng ngày 08/8/2023, H điều khiển xe chở T quay lại bệnh viện

P2 lấy xe đạp đem bán cho tiệm mua bán xe đạp T, địa chỉ: số nhà C P, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi của anh Lý Văn T5 với số tiền 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng). Sau đó, anh T5 đã bán xe đạp trên cho một người khách (không xác định nhân thân lai lịch) với giá 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng).

Vụ thứ 9: Tối ngày 08/8/2023, Hội điều khiển xe mô tô 61F1 – 191.90 chở T và G đi ngang qua đường Q, thành phố Q thì thấy trước số nhà S có dựng 01 (một) xe đạp kiểu dáng thể thao màu bạc, trên thân xe có chữ RAPHIA màu đen của ông Đào Dương Sơn H3 dựng trên vỉa hè. Hội và T để G xuống xe đi bộ đến lấy chiếc xe đạp trên. Sau đó, H điều khiển xe chở T dẫn đường cho G điều khiển xe đạp đến gửi tại nhà xe của bệnh viện P2. Đến trưa ngày 10/8/2023, H điều khiển xe chở T quay lại bệnh viện P2 lấy xe để ra thành phố T, tỉnh Quảng Nam bán cho anh Huỳnh Hữu T6 với số tiền 3.800.000 đồng (Ba triệu tám trăm nghìn đồng). Cơ quan điều tra tạm giữ từ Huỳnh Hữu T6 01 (một) xe đạp kiểu dáng thể thao màu bạc, trên thân xe có chữ RAPHIA màu đen.

Vụ thứ 10: Ngày 09/8/2023, Hội điều khiển xe mô tô 61F1 – 191.90 chở T và G đi tìm xe đạp để trộm cắp. Khi đến trước số nhà F đường N, phường T, thành phố Q, T thấy có 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream, biển kiểm soát 76N5 - 2335 của ông Trần Văn T2 để trên vỉa hè, có cắm chìa khóa trên xe. T xuống xe đi bộ đến lấy trộm xe mô tô trên rồi điều khiển bỏ đi, Hội điều khiển xe 61F1 – 191.90 chở G, còn T điều khiển xe mô tô 76N5 - 2335 vừa mới trộm được xuống biển M thuộc xã T, thành phố Q, Hội tháo biển số xe của xe Dream rồi ném xuống biển và quay về phòng trọ tại hẻm I Q. Sau đó, bị cáo T đi mua 01 (một) biển số xe 16H – 0444 tại một tiệm sửa xe (không rõ địa chỉ) về gắn vào chiếc xe Dream đã trộm được rồi gửi tại nhà xe bệnh viện P2. Cơ quan điều tra đã tạm giữ 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream, biển kiểm soát 16H – 0444.

Vụ thứ 11: Vào chiều tối ngày 10/8/2023, Hội điều khiển mô tô 61F1 – 191.90 xe chở T và G đi ngang qua đường H, thành phố Q thì thấy có 01 (một) chiếc xe đạp màu xanh đen, trên thân xe có dòng chữ “NIKXUS T710” của ông Trần Minh A để trước quán cà phê. Hội điều khiển xe chở T đi đến công viên gần bưu điện Đ2 đợi, để G xuống đi bộ đến lấy xe đạp trên. Sau đó, H điều khiển xe chở bị can T dẫn đường cho G điều khiển xe đạp đến gửi tại nhà xe của bệnh viện P2. Đến sáng ngày 11/8/2023, H điều khiển xe chở G quay lại bệnh viện P2 lấy xe đạp trên. Sau đó, H

điều khiển xe dẫn đường cho G đạp chiếc xe trên đến thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi và bán cho anh Huỳnh Ngọc V với số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng). Cơ quan điều tra đã tạm giữ đồ vật từ anh Huỳnh Ngọc V: 01 (một) chiếc xe đạp màu xanh đen, trên thân xe có dòng chữ “NIKXUS T710”

Tại Kết luận định giá tài sản số 64/KL-HĐĐGTS ngày 16/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Q, kết luận: 01 (một) xe đạp kiểu dáng thể thao màu bạc, trên thân xe có chữ RAPHIA màu đen, tại thời điểm ngày 09/8/2023 trị giá: 7.000.000đồng (Bảy triệu đồng) (tài sản đã qua sử dụng).

Tại Kết luận định giá tài sản số: 70/KL-HĐĐGTS ngày 19/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Q kết luận:

a. Định giá qua hiện vật:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, biển kiểm soát 16H – 0444, tại thời điểm ngày 06/8/2023 trị giá: 5.600.000 đồng (Năm triệu sáu trăm nghìn đồng).

- 01 (một) xe đạp kiểu dáng thể thao màu đỏ (Không rõ nhãn hiệu), có yên xe màu đỏ đen, trên yên xe có dòng chữ “DDK” màu trắng, tại thời điểm ngày 28/7/2023 trị giá: 880.000 đồng (Tám trăm tám mươi nghìn đồng).

- 01 (một) xe đạp kiểu dáng thể thao màu đen đỏ, nhãn hiệu GMINDI Sport (Đã qua sử dụng), tại thời điểm ngày 03/8/2023 trị giá: 1.880.000 đồng (Một triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng).

- 01 (một) xe đạp kiểu dáng thể thao màu trắng cam (Không rõ nhãn hiệu), trên thân xe có chữ “FOREVER” màu đen, tại thời điểm ngày 31/7/2023 trị giá: 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

- 01 (một) xe đạp kiểu dáng thể thao màu trắng (Không rõ nhãn hiệu), trên thân xe có dòng chữ “Galaxy” màu đen, tại thời điểm ngày 30/7/2023 trị giá: 2.800.000đồng (Hai triệu tám trăm nghìn đồng).

- 01 (một) xe đạp kiểu dáng thể thao màu xanh, tay cầm dạng cong màu hồng (Không rõ nhãn hiệu), trên thân xe có chữ “PAPYLUS” màu đen, tại thời điểm ngày 01/8/2023 trị giá: 2.600.000đồng (Hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

- 01 (một) xe đạp kiểu dáng thể thao màu xanh đen (Không rõ nhãn hiệu), trên thân xe có dòng chữ “NIKXUS T710”, tại thời điểm ngày 10/8/2023 trị giá: 2.900.000đồng (Hai triệu chín trăm nghìn đồng).

- 01 (một) xe đạp kiểu dáng thể thao màu trắng (Không rõ nhãn hiệu), trên thân xe có dòng chữ “TABOR” màu đen tại thời điểm ngày 05/8/2023 trị giá: 1.900.000 đồng (Một triệu chín trăm nghìn đồng).

- 01 (một) xe đạp kiểu dáng thể thao màu đỏ trắng (Không rõ nhãn hiệu), trên thân xe có dòng chữ “BIKENB mt-460”, tại thời điểm ngày 31/7/2023 trị giá: 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng)

b. Định giá qua tài liệu:

01 (một) xe đạp kiểu dáng thể thao màu đỏ đen, nhãn hiệu FOXTER (Đã qua sử dụng), tại thời điểm ngày 07/8/2023 trị giá: 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản các bị can Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị T chiếm đoạt được trong 11 vụ trộm cắp trên là 32.160.000 đồng (Ba mươi hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

Cáo trạng số 211/CT-VKSTPQN ngày 5-12-2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi truy tố các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 (Bộ luật hình sự). Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo H từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù giam; xử phạt bị cáo T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù giam.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại xe bị trộm cắp cho các bị hại, bị hại nhận lại xe không yêu cầu, ý kiến gì thêm. Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, số khung JA39E3058250, số máy RLHJA3920PY438293, biển kiểm soát 61E1-191.90 bị cáo Hội sử dụng chở bị cáo T và cháu G phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q tách biển số xe 61E1-191.90 ra khỏi hồ sơ vụ án, tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau, tịch thu nộp ngân sách nhà nước chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, số khung JA39E3058250, số máy RLHJA3920PY438293. Đối với biển kiểm soát 16H6 - 0444 gắn trên xe mô tô nhãn hiệu Dream mà bị cáo T và Hội trộm cắp của ông Trần Văn T2 ngày 09/8/2023: Kết quả điều tra xác định đây là biển số của xe mô tô do Bùi Thị Kim L4, địa chỉ số F

Chợ C, quận L, thành phố Hải Phòng đứng tên sở hữu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q tách biển số xe 16H6 - 0444 ra khỏi hồ sơ vụ án, tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau. Đối với thực hiện 05 vụ trộm cắp xe đạp khác trên địa bàn thành phố Q mà bị cáo H và T đã thực hiện và tài sản đã thu giữ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q tách 05 chiếc xe đạp này ra khỏi hồ sơ vụ án, tiếp tục xác minh và đề nghị xử lý sau. Đối với thẻ gửi xe số 1167 thu từ bị cáo Nguyễn Thị T: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu, tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo phải bồi thường cho các bị hại là 11.800.000 đồng. Ngoài ra tại phiên tòa các bị cáo khai nhận bán xe GMINDI Sport cho một người phụ nữ (không xác định được nhân thân, lai lịch) thu lợi 1.000.000 đồng vì vậy cần tịch thu sung vào ngân sách số tiền do phạm tội mà có này. Tiếp tục tạm giữ số tiền 16.000.000 đồng thu của các bị cáo để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án, trường hợp sau khi thi hành xong các nghĩa vụ còn dư tiền thì số tiền thừa chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q để xử lý theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều thực hiện hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bị hại và một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án nhưng Cơ quan điều tra đã làm việc, có lời khai trong hồ sơ vụ án, Tòa án đã hoãn phiên tòa để triệu tập những người này nhưng họ vẫn vắng mặt. Xét việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại điều 292 Bộ luật Hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Các bị cáo Nguyễn Văn H; Nguyễn Thị

T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên có cơ sở để xác định: Hai bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, để có tiền sử dụng tiêu xài, các bị cáo đã cố ý lén lút lấy trộm tài sản của các bị hại trên năm lần, đều lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính. Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt theo kết luận định giá là 32.160.000 đồng. Hành vi của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, với tình tiết định khung là “có tính chất chuyên nghiệp” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi truy tố các bị cáo về tội danh và hình phạt là có căn cứ.

[4]. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo cố ý hơn 02 lần phạm tội, các bị cáo biết rõ cháu Võ Văn G là người chưa thành niên mà còn xúi giục cháu cùng tham gia phạm tội vì vậy các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6]. Tính chất, mức độ của hành vi: Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo xét thấy: Đối với bị cáo Nguyễn Văn H có nhân thân đã từng phạm tội trộm cắp tài sản nhưng không sửa đổi mà còn tiếp tục phạm tội, H là người Quảng Ngãi nên hiểu biết địa bàn, hướng dẫn cho bị cáo T và cháu G thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vì vậy Hội có vai trò chính trong vụ án. Đối với bị cáo Nguyễn Thị T thống nhất ý chí với bị cáo H, thực hành tích cực hành vi phạm tội. Vì vậy cần phải áp dụng hình phạt cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, góp phần đấu tranh và phòng chống tội phạm.

[7]. Về xử lý vật chứng:

- Cơ quan điều tra đã trả lại xe bị trộm cắp cho bị hại là anh Trần Kha B1 (bút lục 314); ông Trần Minh A (bút lục 315); ông Trương Văn D (bút lục 316); anh Trần Quốc H2 (do người đại diện hợp pháp là bà Trương Thị V2 nhận) (bút lục 317); bà Nguyễn Thị L5 (bút lục 318), ông Trần Duy K (bút lục 319); bà Nguyễn Thị Hạ Q (bút lục 320); ông Phan Văn T1 (bút lục 321); ông Đào Dương Sơn H3 (bút lục 322), bị hại nhận lại xe không yêu cầu, ý kiến gì thêm. Ông Trần Văn T2 đã nhận lại xe mô tô hiệu Honda Dream màu nâu, số máy C100ME-0315811, số khung C100M0315811, không yêu cầu gì đối với biển số xe 76N5-2335 đã bị tháo mất (bút lục 313, 252).

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, số khung JA39E3058250, số máy RLHJA3920PY438293, biển kiểm soát 61E1-191.90 bị cáo Hội sử dụng chở bị cáo T và cháu G phạm tội. Kết quả điều tra xác định xe mô tô trên có biển số là 63B4-969.24, người đứng tên giấy đăng ký xe là bị cáo Nguyễn Thị T (bút lục 99), bị cáo T mua xe mô tô trên vào tháng 6/2023 đã làm thủ tục cấp biển số nhưng chưa có tiền đến lấy giấy tờ xe nên bị cáo Nguyễn Văn H đã mua biển số 61E1-191.90 tại tiệm sửa xe máy ở quận A, thành phố Hồ Chí Minh (không xác định được địa chỉ tiệm S1) gắn vào xe để sử dụng. Đối với biển số 61E1-191.90 người đứng giấy đăng ký xe là ông Nguyễn Văn T7 (sinh năm: 1984; địa chỉ: khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương). Trong giai đoạn điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q đã gửi ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương để xác minh, ghi lời khai của ông Nguyễn Văn T7 về nguồn gốc biển số 61E1-191.90 nhưng hết thời hạn điều tra chưa có kết quả ủy thác điều tra nên chưa có đủ căn cứ để xác định hành vi gắn biển số xe 61E1-191.90 vào xe mô tô Wave Alpha số khung JA39E3058250, số máy RLHJA3920PY438293 sau đó sử dụng xe mô tô này để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo phạm tội “Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại Điều 341 Bộ luật hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q tách biển số xe 61E1-191.90 ra khỏi hồ sơ vụ án, tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, số khung JA39E3058250, số máy RLHJA3920PY438293 là tài sản của bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với biển kiểm soát 16H6 - 0444 gắn trên xe mô tô nhãn hiệu Dream mà bị cáo T và Hội trộm cắp của ông Trần Văn T2 ngày 09/8/2023: Kết quả điều tra xác định đây là biển số của xe mô tô do Bùi Thị Kim L4, địa chỉ: số F Chợ C, quận L, thành phố Hải Phòng đứng tên sở hữu (bút lục 100). Trong giai đoạn điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q đã gửi ủy thác điều tra cho cơ quan điều tra đã gửi ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận L, thành phố Hải Phòng để xác minh nguồn gốc biển số 16H6 - 0444 nhưng chưa có kết quả trả lời. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q tách biển số xe 16H6 - 0444 ra khỏi hồ sơ vụ án, tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau.

- Đối với thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản khác trên địa bàn thành phố Q mà bị cáo H và T đã thực hiện và tài sản đã thu giữ gồm: 01 xe đạp kiểu dáng thể thao màu đen đỏ, không rõ nhãn hiệu; 01 xe đạp kiểu dáng thể thao màu xám, trên thân xe có dòng chữ “Knight”; 01 xe đạp kiểu dáng thể thao trên thân xe có dòng chữ “VIETNHAT” màu trắng; 01 xe đạp kiểu dáng thể thao, trên thân xe có dòng chữ “TRINX”; 01 xe đạp kiểu dáng thể thao trên thân xe có dòng chữ “GIANT” màu trắng. Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q ra thông báo truy tìm bị hại (bút lục 95). Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa xác định được bị hại nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q tách 05 chiếc xe đạp này ra khỏi hồ sơ vụ án, tiếp tục xác minh và đề nghị xử lý sau.

- Đối với thẻ gửi xe số 1167 thu từ bị cáo Nguyễn Thị T: Kết quả điều tra xác định ông Hoàng Kim L2 được giao quản lý về việc trông giữ xe tại nhà gửi xe của Bệnh viện P2, thẻ gửi xe số 1167 là tài sản của ông L2, ông L2 sử dụng thẻ để quản lý, kiểm soát xe ra vào Bệnh viện hàng ngày, ông không yêu cầu nhận lại thẻ xe này vì vậy tịch thu, tiêu hủy thẻ gửi xe số 1167 theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là người mua xe đạp từ các bị cáo trộm cắp đem bán, họ không biết rõ tài sản đó là do phạm tội mà có nên các bị cáo có nghĩa vụ hoàn trả lại cho họ số tiền đã nhận của họ. Tại phiên tòa ông Phạm D1 yêu cầu bị cáo H và T hoàn trả cho ông 450.000 đồng, các bị cáo chấp nhận bồi thường theo yêu cầu của ông D1; Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo H, T và ông Phạm Du. Tại giai đoạn điều tra: Bà Đặng Thị Ngọc L1 yêu cầu các bị cáo H, T bồi thường giá trị theo kết luận định giá tài sản của bà bị các bị cáo chiếm đoạt là 1.800.000 đồng; bà Phạm

Thị Quỳnh Đ1 yêu cầu bị cáo H và T hoàn trả cho bà 450.000 đồng, ông Phan Văn H4 yêu cầu bị cáo H và T hoàn trả cho ông 1.700.000 đồng; ông Nguyễn Văn B3 yêu cầu bị cáo H và T hoàn trả cho ông 500.000 đồng; bà Phan Thị T3 yêu cầu bị cáo H và T hoàn trả cho bà 1.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị T4 yêu cầu bị cáo H và T hoàn trả cho bà 1.600.000 đồng; ông Huỳnh Hữu T6 yêu cầu bị cáo H và T hoàn trả cho ông 3.800.000 đồng; ông Huỳnh Ngọc V yêu cầu bị cáo H và T hoàn trả cho bà 500.000 đồng. Tổng cộng các bị cáo phải bồi thường, hoàn trả là 11.800.000 đồng. Ngoài ra tại phiên tòa các bị cáo khai nhận bán xe GMINDI Sport cho một người phụ nữ (không xác định được nhân thân, lai lịch) thu lợi 1.000.000 đồng vì vậy cần tịch thu sung vào ngân sách số tiền do phạm tội mà có này. Cơ quan điều tra đã tạm giữ số tiền 16.000.000 đồng từ bị cáo T, T khai số tiền này có được do các bị cáo bán tài sản trộm cắp của bị hại có được, vì vậy cần tiếp tục tạm giữ 16.000.000 đồng để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của các bị cáo, trường hợp sau khi thi hành xong các nghĩa vụ thi hành án còn dư tiền thì số tiền thừa chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q để Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q xử lý trong quá trình làm rõ hành vi của bị cáo đã được tách ra khỏi vụ án theo quy định.

[9]. Đối với cháu Võ Văn G: Khi tham gia cùng các bị cáo H, T trộm cắp tài sản của các bị hại, cháu mới hơn 11 tuổi nên theo quy định tại Điều 12 Bộ luật hình sự về tuổi chịu trách nhiệm hình sự thì hành vi của cháu G không đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự.

[10]. Đề nghị của Kiểm sát viên về phần hình phạt, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính

từ ngày 12/8/2023.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/8/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, số khung JA39E3058250, số máy RLHJA3920PY438293. Tịch thu tiêu thủy một thẻ gửi xe số 1167 của Bệnh viện P2.

Các tài sản trên có tại Biên bản về việc giao, nhận vật chứng, tài sản ngày 22/11/2023 giữa Chi cục Thi hành án dân sự và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Q.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị T phải nộp số tiền 1.000.000 đồng có được do bán tài sản phạm tội mà có.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 280, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị T phải bồi thường cho bà Đặng Thị Ngọc L1 1.800.000 đồng;

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị T hoàn trả cho ông Phạm D1 450.000 đồng, bà Phạm Thị Quỳnh Đ1 450.000 đồng, ông Phan Văn H4 1.700.000 đồng; ông Nguyễn Văn B3 500.000 đồng; bà Phan Thị T3 1.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị T4 1.600.000 đồng; ông Huỳnh Hữu T6 3.800.000 đồng; ông Huỳnh Ngọc V 500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị T phải chịu 590.000 đồng (năm trăm chín mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 16.000.000 đồng có tại Ủy nhiệm chi lập ngày 23/11/2023 do đơn vị trả tiền Công an thành phố Q, tài khoản 3949.0.9043031.00000 đến đơn vị nhận tiền Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tài khoản 3949.0.1075855.00000 tại Kho bạc Nhà nước Q1 để đảm bảo các nghĩa vụ thi hành án của các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị T. Sau khi thi hành xong các nghĩa vụ của các bị cáo H và T mà còn dư tiền thì chuyển toàn bộ số tiền còn dư cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CQCSĐT CATP Quảng Ngãi;
- CATP Quảng Ngãi (Bộ phận lưu trữ, NV);
- CQTHAHS CATP Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thúy Ly

